TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày: 01/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông **Nguyễn Tuấn Anh**

2- Ông **Mai Văn Thanh**

- Thư ký phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Thi –** Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa*:**

Ông **Phạm Tuấn Kiệt –** Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Huyện, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm 1982; nơi cư trú ấp C, xã ĐBK, huyện X, Đồng Tháp; nghề nghiệp nữ hộ sinh; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc kinh; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1948 (còn sống) và bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1953 (còn sống); chồng không (mẹ đơn thân) có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự không; bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

***** *Người bị hại:*

Võ Thị C - sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã TT, huyện TT, Long An.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Lê Văn T - sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã TT, huyện TT, Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội

dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 29/10/2018, chị Võ Thị C cùng chồng tên Lê Văn T từ nhà (địa chỉ ấp C, xã TT, huyện TT, Long An) đến Trạm y tế xã ĐBK (địa chỉ ấp D, xã ĐBK, huyện X) để truyền dịch phục hồi sức khỏe cho chị C. Khi đến trạm, chị C được Nguyễn Thị Xuân H là nữ hộ sinh công tác tại Trạm y tế đưa đến nằm ở phòng kế hoạch hóa gia đình để truyền dịch, do H là người trực tiếp thực hiện. Sau khi vào Trạm y tế, anh T đi rửa xe và ngồi uống nước tại quán phía trước Trạm y tế. Khi truyền dịch đến chai thứ ba thì chị C đi vệ sinh, lúc này trong Trạm y tế không có ai ngoài H. Khi chị C đi khỏi nơi truyền dịch, H nhìn thấy túi xách của bị C không kéo khóa, bên trong có một cái bóp làm bằng hột chuỗi màu đỏ, trắng có nhiều tiền loại mệnh giá 500.000 đồng, H nảy sinh ý định lấy trộm tiền của chị C để sử dụng vào mục đích cá nhân, nên lén lút lấy một phần trong tổng số tiền chị C để trong bóp. H không lấy hết số tiền trong bóp, mà chỉ lấy phần lớn, phần còn lại vẫn để lại trong bóp như ban đầu. H khai không đếm ngay số tiền vừa chiếm đoạt mà chia số tiền này ra làm hai phần, một phần đem cất giấu ở trong bàn làm việc của H và phần còn lại đem cất giấu ở cập hàng rào phía trước Trạm y tế. Sau khi chị C đi vệ sinh vào thì H không tiếp tục truyền dịch nữa và tính tiền chị C phải trả là 300.000 đồng. Chị C mở bóp lấy tiền để trả, thì phát hiện bị mất tiền nên nghi ngờ và nói H là người lấy trộm, vì thời điểm này ở Trạm y tế không có ai khác ngoài hai người, nhưng H không thừa nhận trộm tiền của chị C. Khi Công xã Đốc Binh Kiều tiếp nhận tin báo đến làm việc và cùng anh T tìm kiếm xung quanh khu vực Trạm y tế, thì anh T phát hiện cập hàng rào phía trước cửa Trạm y tế có tiền cất giấu, nên báo Công an xã Đốc Binh Kiều thu giữ, qua kiểm tra xác định số tiền tìm được tại đây là 5.610.000 đồng. Ngay sau khi phát hiện số tiền trên, H thừa nhận đó là tiền mình cất giấu sau khi lấy trộm của chị C và chỉ nơi cất giấu số tiền còn lại trong bàn làm việc của mình để Công an xã Đốc Binh Kiều thu giữ thực tế là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ được tại hai nơi H khai cất giấu là 10.610.000 đồng. Qua kiểm tra số tiền còn lại trong bóp của chị C là 3.137.000 đồng.

Chị C khai số tiền chị để trong bóp trước khi bị mất trộm là khoảng 20.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền này gồm tiền dành dụm trên 8.000.000 đồng và tiền bán vàng được 11.897.000 đồng, định sử dụng để trả tiền mua vật tư nông nghiệp. Chị C xác định số tiền bị mất trộm là 17.110.000 đồng.

H thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của chị C, nhưng không xác định được chính xác số tiền lấy được là bao nhiêu, do không kiểm điếm trước khi cất giấu. H chấp nhận và đã bồi thường cho chị C số tiền chênh lệch theo yêu cầu của chị C so với số tiền đã thu giữ là 6.500.000 đồng.

Do chị C không xác định được chính xác số tiền để trong bóp trước khi bị mất, quá trình điều tra không có chứng cứ khác để xác định chính xác số tiền mà H lấy trộm, nên căn cứ vào kết quả thu giữ tài sản thực tế tại hiện trường xác định tài sản bị mất trộm là 10.610.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 6.500.000 đồng của H là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Võ Thị C đã nhận lại số tiền 10.610.000 đồng do Cơ quan điều tra trao trả, đã nhận số tiền 6.500.000 đồng do bị cáo H bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về vật chứng:

Cơ quan điều tra đã thu giữ tiền Việt Nam: 10.610.000 đồng và 01 (một) cái bóp hình chữ nhật làm bằng các hột chuỗi bằng nhựa, có gắn kim loại màu đỏ, trắng, có quai xách, kích thước 18x10cm. Hiện Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho chị C.

Tại Bản Cáo trạng số 06/CT-VKSTM ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Xuân H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: Căn cứ Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Xuân H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Xuân H từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm.

+ Về hình phạt bổ sung: Không.

+ Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã giải quyết xong.

- Tại phiên tòa, bị cáo H khai nhận: Vào ngày 29/10/2018, do không có tiền tiêu xài và thiếu suy nghĩ bị cáo đã lén lút lấy trộm tiền của chị C, nhưng không xác định được chính xác số tiền lấy được là bao nhiêu và mệnh giá tiền thế nào, do bị cáo không kiểm điếm trước khi cất giấu. Số tiền mà Công an thu giữ tại hai vị trí bị cáo cất giấu tổng cộng là 10.610.000 đồng.

- Người bị hại C và anh T cùng khai: Số tiền chị C để trong bóp trước khi bị mất trộm là khoảng 20.000.000 đồng, nguồn gốc số tiền này gồm tiền dành dụm trên 8.000.000 đồng và tiền bán vàng được 11.897.000 đồng, định sử dụng để trả tiền mua vật tư nông nghiệp. Chị C, anh T xác định số tiền bị mất trộm là 17.110.000 đồng, chị C đã nhận số tiền 10.610.000 đồng của Cơ quan điều tra trả lại và bị cáo H bồi thường 6.500.000 đồng. Chị C và anh T đồng ý Viện kiểm sát truy tố bị cáo số tiền 10.610.000 đồng. Về phần dân sự đã giải quyết xong, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Bị cáo H là nữ hộ sinh của Trạm y tế xã ĐBK. Đáng lý ra, khi có nghề nghiệp ổn định bị cáo phải biết chí thú làm ăn để tạo ra của cải vật chất cho bản thân, gia đình và xã hội, nhưng do đua đòi và không có tiền tiêu xài nên vào ngày 29/10/2018, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại C, bị cáo H đã lén lút lấy trộm số tiền 10.610.000 đồng đem cất giấu hai nơi nhằm che dấu hành vi phạm tội của mình, nhưng vẫn bị phát hiện. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật."

[4] Hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín của Trạm y tế xã ĐBK.

[5] Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết và cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm để phòng ngừa trong toàn xã hội nói chung và tại địa phương huyện Tháp Mười nói riêng.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tình tiết *"Bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cha bị cáo ông Nguyễn Văn H là thương binh Hạng 4/4 và được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba; người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và không xử lý hình sự đối với bị cáo",* để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt là phù hợp với điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Đồng thời, xét bị cáo nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, bị cáo và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và nhằm thể hiện bản chất nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo phải nuôi cha mẹ già và nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] **Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại Võ Thị C đã nhận lại số tiền 10.610.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 6.500.000 đồng cho chị C. Tại phiên tòa chị C không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét.

[10] **Về vật chứng**: Đã giải quyết xong.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Xuân H phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

2/- Xử phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Xuân H 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 01/3/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử

thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Điều 64 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/- Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Xuân H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Ngọc Tuấn